THÀNH ỦY HẢI PHÒNG
**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÔ HIỆU**
*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ
# NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
# CẤP TRƯỜNG NĂM 2026

## TÊN NHIỆM VỤ:
## "GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC ĐẢNG Ở ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÔ HIỆU"

**Chủ nhiệm nhiệm vụ: Phạm Văn Quỳnh**

**Hải Phòng, tháng 11 năm 2026**

THÀNH ỦY HẢI PHÒNG
**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÔ HIỆU**
*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ
# NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
# CẤP TRƯỜNG NĂM 2026

## TÊN NHIỆM VỤ:
## "GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC ĐẢNG Ở ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÔ HIỆU"


Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Phạm Văn Quỳnh
Thư ký: ThS. Nguyễn Thị Như
Thành viên chính: ThS. Lê Hồng Phong
Thành viên: CN. Nguyễn Thị Thắm
CN. Bùi Thị Thu Hường


**Hải Phòng, tháng 11 năm 2026**

# MỤC LỤC


| | | Trang |
|---|---|---|
| **LỜI MỞ ĐẦU** | | **2** |
| **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC ĐẢNG** | | **5** |
| **1.1.** | **Các khái niệm cơ bản** | **5** |
| 1.1.1. | Chuyển đổi số và chuyển đổi số trong tổ chức Đảng | 5 |
| 1.1.2. | Nội dung công tác Đảng ở cơ sở trong môi trường số | 6 |
| **1.2.** | **Vai trò và tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu** | **8** |
| 1.2.1. | Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng | 9 |
| 1.2.2. | Đổi mới phương thức quản lý, điều hành và giáo dục chính trị | 10 |
| **1.3.** | **Yêu cầu chuyển đổi số trong công tác Đảng đối với Đảng bộ Trường Chính trị** | **14** |
| 1.3.1. | Yêu cầu bảo đảm tính Đảng, tính chính trị và tính bảo mật tuyệt đối | 15 |
| 1.3.2. | Yêu cầu thể hiện tính tiên phong, mẫu mực của mô hình Trường Chính trị chuẩn | 16 |
| 1.3.3. | Yêu cầu bảo đảm tính đồng bộ, liên thông và kế thừa hệ thống | 17 |
| **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC ĐẢNG TẠI ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÔ HIỆU** | | **20** |
| **2.1.** | **Đặc điểm tình hình Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu** | **20** |
| 2.1.1. | Cơ cấu tổ chức, đội ngũ đảng viên | 20 |
| 2.1.2. | Chức năng, nhiệm vụ gắn với bối cảnh Hải Phòng và yêu cầu Trường chuẩn mức 2 | 21 |
| **2.2.** | **Phân tích thực trạng chuyển đổi số trong công tác Đảng tại nhà trường** | **23** |
| 2.2.1. | Thực trạng về nhận thức và kỹ năng số của đảng viên | 21 |
| 2.2.2. | Thực trạng hạ tầng kỹ thuật, phần mềm nghiệp vụ và dữ liệu số | 25 |
| 2.2.3. | Thực trạng ứng dụng số trong các nghiệp vụ: Sinh hoạt chi bộ, quản lý đảng viên, tuyên giáo, kiểm tra - giám sát | 30 |
| **2.3.** | **Đánh giá chung** | **38** |
| 2.3.1. | Những kết quả đạt được và ưu điểm | 38 |
| 2.3.2. | Những hạn chế, bất cập và "điểm nghẽn" | 40 |

**Trang**

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế 41

**CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC ĐẢNG TẠI ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÔ HIỆU ĐẾN NĂM 2030** **44**

**3.1. Quan điểm, mục tiêu và định hướng chuyển đổi số của Đảng bộ nhà trường** **44**

3.1.1. Quan điểm chỉ đạo 44

3.1.2. Mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn 45

**3.2. Các nhóm giải pháp trọng tâm** **47**

3.2.1. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức và tư duy số cho cấp ủy và đảng viên 47

3.2.2. Nhóm giải pháp về hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và xây dựng hệ sinh thái dữ liệu Đảng bộ thống nhất 49

3.2.3. Nhóm giải pháp về đổi mới quy trình nghiệp vụ và ứng dụng các nền tảng số 51

3.2.4. Nhóm giải pháp về đảm bảo an toàn, an ninh mạng và bảo mật bí mật của Đảng 53

**3.3. Các điều kiện đảm bảo và lộ trình triển khai** **54**

3.3.1. Về nguồn lực tài chính và con người 54

3.3.2. Lộ trình thực hiện chi tiết 56

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ** **58**

**1. Kết luận về các kết quả nghiên cứu** **58**

**2. Kiến nghị với Thành ủy Hải Phòng và các cơ quan chức năng** **58**

2.1. Kiến nghị với Thường trực Thành ủy Hải Phòng 59

2.2. Kiến nghị với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 59

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO** **60**

**PHỤ LỤC** **61**

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Trong kỷ nguyên  công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số không thuần túy là sự thay đổi về mặt kỹ thuật hay ứng dụng công nghệ thông tin đơn thuần, mà là một quá trình biến đổi tổng thể, toàn diện về tư duy, lề lối làm việc và phương thức quản trị. Đối với tổ chức Đảng, chuyển đổi số là phương thức tất yếu để đổi mới căn bản, toàn diện phương thức lãnh đạo, cầm quyền, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong tình hình mới.

Quán triệt sâu sắc các chủ trương của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là tinh thần Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan Đảng được xác định là giải pháp đột phá, đi trước một bước nhằm hiện đại hóa guồng máy lãnh đạo, bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất, minh bạch và hiệu năng cao.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được xem là văn kiện mang tính bước ngoặt, xác định đây là đột phá quan trọng hàng đầu và động lực chính để đưa đất nước phát triển bứt phá trong kỷ nguyên mới. Có thể khẳng định, Nghị quyết 57-NQ/TW chính là kim chỉ nam chiến lược tạo xung lực mạnh mẽ để Việt Nam làm chủ công nghệ, phát triển đồng bộ Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số hướng tới tầm nhìn 2045.

Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của hệ thống chính trị cấp cơ sở, đồng thời là cơ quan nghiên cứu lý luận chính trị và tổng kết thực tiễn của thành phố Hải Phòng, Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu mang đặc thù vừa là một tổ chức cơ sở Đảng, vừa là cơ quan sinh hoạt tư tưởng, học thuật chuyên sâu. Do đó, việc tiên phong hiện đại hóa, chuyển đổi số công tác Đảng vụ tại Đảng bộ nhà trường không chỉ là việc thực thi chủ trương cấp trên mà còn mang giá trị thời sự chính trị cấp thiết, tạo hình mẫu thực tiễn sinh động cho hệ thống chính trị toàn thành phố.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo sát sao của Thành ủy Hải Phòng, Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa nghiệp vụ Đảng vụ: 100% chi bộ đã triển khai ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử; 100% hồ sơ đảng viên gốc được số

hóa và làm sạch dữ liệu; hạ tầng mạng và ứng dụng chữ ký số công vụ từng bước đi vào vận hành ổn định.

Tuy nhiên, đối chiếu với yêu cầu phát triển thực tế và các tiêu chí khắt khe của mô hình Trường chính trị chuẩn mức 2 theo Quy định số 396-QĐ/TW của Ban Bí thư, quá trình chuyển đổi số tại Đảng bộ nhà trường vẫn đang đứng trước những "điểm nghẽn" kỹ thuật và thách thức căn bản:

*Thứ nhất*, tính liên thông dữ liệu chưa triệt để, hiện tượng dữ liệu mang tính cục bộ giữa Cơ sở dữ liệu quản lý đảng viên (khối Đảng) và Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức (khối Chính quyền) vẫn tồn tại, buộc cán bộ phụ trách phải thực hiện nhập liệu thủ công trùng lặp, tiềm ẩn rủi ro sai lệch thông tin.

*Thứ hai*, việc ứng dụng công nghệ ở một số nghiệp vụ (như kiểm tra, giám sát, tuyên giáo) chủ yếu dừng lại ở mức "số hóa văn bản" (lưu trữ file điện tử), thiếu các công cụ phân tích dữ liệu chuyên sâu để tự động theo dõi tiến độ, cảnh báo sớm vi phạm hoặc đánh giá định lượng chất lượng sinh hoạt Đảng.

*Thứ ba*, rào cản về khoảng cách năng lực số giữa các thế hệ đảng viên và các yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh thông tin tuyệt đối đối với tài liệu Đảng vụ trong môi trường mạng.

Từ những lý do lý luận, thời sự và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và đề xuất các giải pháp khoa học, đồng bộ nhằm bứt phá công tác chuyển đổi số tại Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu là nhiệm vụ mang tính tự thân, cấp thiết và có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc.

Xuất phát từ vấn đề thực tiễn đó, tác giả chọn đề tài ***"Giải pháp tăng cường chuyển đổi số trong công tác Đảng tại Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu"*** làm nhiệm vụ khoa học cấp trường năm 2026.

**2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng chuyển đổi số trong công tác Đảng ở Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu, đề tài nhằm đề xuất hệ thống các giải pháp mang tính đồng bộ, khả thi để tăng cường chuyển đổi số trong công tác Đảng ở Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu đến năm 2030.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là tổng thể các giải pháp kỹ thuật, quy trình, các phần mềm và con người trong hoạt động Đảng ở Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu dưới sự tác động của công nghệ số.

Đề tài tập trung nghiên cứu chuyên sâu vào chuyển đổi số trong nghiệp vụ công tác Đảng như công tác quản lý, điều hành, nâng cao năng lực số, an toàn thông tin của Đảng ủy, các Chi bộ trực thuộc Đảng ủy.

**4. Phương pháp nghiên cứu, triển khai**

Đề tài vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, kết hợp các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn như khảo sát, thống kê và tổng kết kinh nghiệm để đánh giá khách quan thực trạng tại Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu.

Lộ trình triển khai được thực hiện qua 4 bước: khảo sát thu thập dữ liệu, phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp trọng tâm về hạ tầng và nghiệp vụ số, sau đó nghiệm thu đánh giá thực tiễn nhằm phục vụ chiến lược chuyển đổi số đến năm 2030.

**5. Ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn**

Kết quả của đề tài không chỉ trực tiếp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ nhà trường, giữ vững các tiêu chí Trường chính trị chuẩn mức 2, mà còn tạo nền tảng vững chắc để đội ngũ giảng viên - đảng viên ứng dụng kinh nghiệm thực chứng vào công tác giảng dạy, lan tỏa mạnh mẽ tư duy số và văn hóa số đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Hải Phòng.

**6. Kết cấu đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, tài liệu tham khảo, đề tài được kết cấu thành 03 chương:

*Chương 1:* Cơ sở lý luận và thực tiễn về chuyển đổi số trong công tác Đảng.

*Chương 2:* Thực trạng chuyển đổi số trong công tác Đảng tại Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu.

*Chương 3:* Giải pháp tăng cường chuyển đổi số trong công tác Đảng tại Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu đến năm 2030.

# NỘI DUNG
# CHƯƠNG 1
# CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC ĐẢNG

## 1.1. Các khái niệm cơ bản

### *1.1.1. Chuyển đổi số và chuyển đổi số trong tổ chức Đảng*

Trong kỷ nguyên công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số không thuần túy là sự thay đổi mang tính kỹ thuật hay nâng cấp từ công nghệ thông tin truyền thống. Dưới góc độ khoa học quản lý và lý luận hệ thống, chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Quá trình này đặc trưng bởi sự tích hợp sâu sắc của dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây (Cloud Computing) và Internet vạn vật (IoT) vào mọi khâu vận hành, nhằm tái cấu trúc quy trình, tối ưu hóa nguồn lực và tạo ra những giá trị mới vượt trội.

Chuyển đổi số trong tổ chức Đảng không hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận như trong khối doanh nghiệp, cũng không đơn thuần là số hóa thủ tục hành chính như trong khối cơ quan công quyền. Bản chất của chuyển đổi số trong tổ chức Đảng là quá trình ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ số để đổi mới căn bản, toàn diện phương thức lãnh đạo, cầm quyền, lề lối làm việc, phương pháp quản lý, điều hành và giáo dục chính trị của các tổ chức Đảng từ trung ương đến cơ sở, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và tối ưu hóa vai trò tiền phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên.

*Về mặt hình thức:* Là việc xây dựng hạ tầng số, thiết lập các phần mềm nghiệp vụ Đảng, tạo lập cơ sở dữ liệu dùng chung và ứng dụng các thuật toán an toàn, bảo mật để xử lý thông tin hành chính Đảng.

*Về mặt nội dung:* Là sự chuyển đổi về nhận thức, tư duy và hành vi của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên. Đó là việc xác lập một "văn hóa số" mang tính Đảng, ở đó các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng được thực thi một cách hiệu quả hơn, minh bạch hơn và nhanh chóng hơn nhờ công cụ số.

Do đó, chuyển đổi số trong tổ chức Đảng phải luôn đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng. Công nghệ chỉ là phương tiện; mục tiêu cao nhất là giữ vững bản chất , củng cố niềm tin của nhân dân, và năng động hóa bộ máy lãnh đạo của Đảng trước những biến đổi nhanh chóng của tình hình mới.

### *1.1.2. Nội dung công tác Đảng ở cơ sở trong môi trường số*

Tổ chức cơ sở Đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, nơi trực tiếp đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào cuộc sống. Trong bối cảnh chuyển dịch sang môi trường số, toàn bộ các nội dung cốt lõi của công tác Đảng ở cơ sở không thay đổi về nguyên tắc chính trị, nhưng được tái cấu trúc về mặt

phương thức vận hành. Cụ thể, nội dung công tác Đảng ở cơ sở trong môi trường số dịch chuyển đồng bộ trên các phương diện cơ bản sau:

*Thứ nhất, công tác chính trị, tư tưởng và tuyên giáo trên không gian mạng:* Trong môi trường số, thông tin dịch chuyển với vận tốc tính bằng giây và mang tính đa chiều. Do đó, công tác tuyên giáo ở cơ sở không thể chỉ dựa vào các hội nghị tập trung hay văn bản in ấn truyền thống. Nội dung số hóa trong công tác tư tưởng bao gồm việc đổi mới phương thức truyền đạt nghị quyết, chỉ thị thông qua các nền tảng số, kho học liệu điện tử, video chính luận và sơ đồ hóa tư duy. Đồng thời, môi trường số đòi hỏi tổ chức Đảng ở cơ sở phải nâng cao năng lực định hướng dư luận xã hội trực tuyến, chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng (theo tinh thần Nghị quyết 35-NQ/TW), biến môi trường số thành trận địa vững chắc để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

*Thứ hai, quản lý tổ chức và hồ sơ đảng viên bằng dữ liệu số:* Công tác quản lý đảng viên trong môi trường số dịch chuyển từ phương thức lưu trữ hồ sơ giấy, sổ sách truyền thống sang hệ thống Cơ sở dữ liệu đảng viên đồng bộ, bảo mật và liên thông. Mọi biến động về sinh hoạt Đảng, quá trình công tác, khen thưởng, kỷ luật, hay việc thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện của đảng viên đều được cập nhật, phân tích trực quan qua phần mềm. Điều này giúp cấp ủy nắm bắt chính xác, kịp thời và toàn diện thực trạng đội ngũ, giảm thiểu tối đa sai sót hành chính, nâng cao tính khoa học trong công tác quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ.

*Thứ ba, đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ qua nền tảng số:* Sinh hoạt chi bộ là chế độ định kỳ được quy định trong Điều lệ Đảng, đóng vai trò trực tiếp trong việc quản lý, giáo dục và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đây là nền tảng, tiền đề quan trọng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ và tổ chức cơ sở đảng. Thông qua việc duy trì và nâng cao chất lượng sinh hoạt, chi bộ phát huy tinh thần dân chủ, tính kỷ luật, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao. Trong môi trường số, công tác đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ được hiện thực hóa hiệu quả thông qua việc ứng dụng các nền tảng công nghệ, tiêu biểu là "Sổ tay đảng viên điện tử". Nhờ tính năng phân phối tài liệu an toàn trên môi trường mạng, dự thảo nghị quyết cùng các văn bản liên quan được chuyển trước đến từng đảng viên để nghiên cứu sâu, giúp giảm thiểu thời gian đọc báo cáo tại cuộc họp và dành tối đa thời lượng cho thảo luận, đóng góp ý kiến chất lượng.

*Thứ tư, hiện đại hóa công tác kiểm tra, giám sát và văn phòng cấp ủy:* Trong bối cảnh chuyển đổi số và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng hiện nay, công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đang chuyển dịch mạnh mẽ từ phương thức "hậu kiểm" truyền thống sang phương thức "giám sát số" chủ động và liên tục dựa trên dữ liệu hệ thống. Thông qua các phần mềm quản lý công việc và nền tảng dữ liệu tập trung, toàn bộ tiến độ, chất lượng thực hiện

nhiệm vụ chính trị cũng như trách nhiệm công vụ của từng chi bộ và đảng viên được ghi nhận, theo dõi theo thời gian thực. Mô hình "Văn phòng số" và "Văn phòng không giấy" giúp việc luân chuyển văn bản, ký số chuyên dùng đạt tính pháp lý cao và tốc độ phản ứng cực nhanh.

### 1.2. Vai trò và tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu

Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của hệ thống chính trị cấp cơ sở; là nơi nghiên cứu khoa học lý luận chính trị và tổng kết thực tiễn địa phương. Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu thành phố Hải Phòng vừa mang đặc điểm của một tổ chức cơ sở Đảng thông thường, vừa mang tính đặc thù của một cơ quan sinh hoạt tư tưởng, lý luận chuyên sâu. Do đó, chuyển đổi số không dừng lại ở mức độ "xu thế công nghệ" mà đã trở thành một yêu cầu khách quan, một phương thức tiên quyết để khẳng định vai trò, vị thế và nâng cao toàn diện chất lượng hoạt động của Đảng bộ nhà trường.

#### *1.2.1. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng*

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng được thể hiện thông qua khả năng đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn, việc tổ chức thực hiện hiệu quả và năng lực quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên:

*Hiện đại hóa, nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết:* Thông qua các nền tảng số và hệ thống quản trị dữ liệu tập trung, Đảng ủy nhà trường có khả năng khai thác, phân tích các chỉ số hoạt động chuyên môn, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như diễn biến tư tưởng của đội ngũ cán bộ theo thời gian thực. Điều này xóa bỏ triệt để tình trạng báo cáo định tính, cảm tính, giúp ban hành các quyết định lãnh đạo đúng đắn, kịp thời.

*Thắt chặt kỷ luật, kỷ cương và nâng cao chất lượng tự phê bình:* Minh bạch hóa toàn bộ quy trình giao việc, theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị thông qua các chỉ số KPIs công khai trên hệ thống. Qua đó loại bỏ tâm lý e ngại, dĩ hòa vĩ quý, thắt chặt kỷ luật Đảng vụ và phòng chống sự suy thoái nội bộ từ sớm, từ xa.

#### *1.2.2. Đổi mới phương thức quản lý, điều hành và giáo dục chính trị*

*Tối ưu hóa quản lý điều hành hướng tới "Văn phòng Đảng ủy không giấy":* Chuyển từ điều hành truyền thống bằng giấy tờ sang hệ thống lưu trữ tập trung, sử dụng chữ ký số chuyên dùng Ban Cơ yếu Chính phủ. Rút ngắn tối đa thời gian luân chuyển hồ sơ từ Đảng ủy đến các chi bộ, bảo đảm tính pháp lý và tính bảo mật tuyệt đối.

*hóa công tác giáo dục chính trị và truyền tải lý luận:* Chuyển đổi từ độc thoại truyền thống sang tương tác đa giác quan. Đa dạng hóa học liệu số (sơ đồ tư

duy, video chính luận, trắc nghiệm nhận thức trực tuyến) giúp cá nhân hóa lộ trình học tập, đo lường chính xác kết quả tự học nghị quyết. Đồng thời tạo "mô hình thực chứng" giúp giảng viên nhà trường ứng dụng directly vào công tác giảng dạy lý luận chính trị toàn thành phố.

### 1.3. Yêu cầu chuyển đổi số trong công tác Đảng đối với Đảng bộ Trường Chính trị

***1.3.1. Yêu cầu bảo đảm tính Đảng, tính chính trị và tính bảo mật tuyệt đối:*** Đảm bảo tính Đảng là kim chỉ nam; ứng dụng công nghệ tuyệt đối không kỹ thuật hóa hay làm mờ nhạt nguyên tắc tập trung dân chủ. Đồng thời, bảo đảm an toàn an ninh thông tin tuyệt đối trước các nguy cơ tấn công mạng trong bối cảnh năm 2026.

***1.3.2. Yêu cầu thể hiện tính tiên phong, mẫu mực của mô hình Trường Chính trị chuẩn:*** Là trung tâm lý luận chính trị của thành phố, Đảng bộ nhà trường phải tiên phong về tư duy số, tác phong số và mẫu mực trong xây dựng "Văn hóa số" mang tính Đảng.

***1.3.3. Yêu cầu bảo đảm tính đồng bộ, liên thông và kế thừa hệ thống:*** Tính đồng bộ giữa hạ tầng - dữ liệu - con người; liên thông chặt chẽ với CSDL Đảng vụ Thành ủy Hải Phòng và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; kế thừa các giá trị sinh hoạt Đảng truyền thống.

*Trên cơ sở hệ thống hóa những căn cứ lý luận chung và các yêu cầu mang tính nguyên tắc đối với quá trình chuyển đổi số trong tổ chức cơ sở Đảng tại trường chính trị chuẩn, việc đi sâu khảo sát, phân tích toàn diện thực trạng tại Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu là bước đi có ý nghĩa phương pháp luận quyết định. Mọi giải pháp đột phá ở Chương 3 chỉ có thể đạt hiệu quả thực chất khi được xây dựng trên một bức tranh thực trạng chân thực, khách quan, nhận diện chính xác cả những thành tựu nổi bật lẫn những "điểm nghẽn" kỹ thuật đang tồn tại trong thực tiễn vận hành của nhà trường. Đó chính là lý do Chương 2 đi sâu phân tích thực trạng chuyển đổi số trong công tác Đảng tại Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu.*

# CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC ĐẢNG TẠI ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÔ HIỆU

## 2.1. Đặc điểm tình hình Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu

### *2.1.1. Cơ cấu tổ chức, đội ngũ đảng viên*

Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu thuộc Đảng bộ Các cơ quan Đảng thành phố Hải Phòng. Cơ cấu gồm các chi bộ trực thuộc gắn liền với khối phòng chức năng và các khoa chuyên môn (Chi bộ Khoa Lý luận cơ sở; Chi bộ Khoa Xây dựng Đảng; Chi bộ Khoa Nhà nước và Pháp luật; Chi bộ Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu; Chi bộ Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học).

Về đặc điểm đội ngũ: Trình độ chuyên môn và lý luận chính trị rất cao (Thạc sĩ, Tiến sĩ chiếm 85,3%; Cao cấp và Trung cấp lý luận chính trị chiếm 86,5%). Đội ngũ này có tư duy phản biện sắc bén, tiếp thu công nghệ nhanh. Tuy nhiên, có sự phân hóa độ tuổi giữa cán bộ trẻ năng động và một bộ phận đảng viên lớn tuổi giàu kinh nghiệm nhưng phản xạ thao tác kỹ thuật số còn hạn chế.

### *2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ gắn với bối cảnh Hải Phòng và yêu cầu Trường chuẩn mức 2*

Chuyển đổi số trong công tác Đảng tại Đảng bộ nhà trường gắn liền với tinh thần Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển thành phố Hải Phòng, Nghị quyết số 03-NQ/TU của Thành ủy Hải Phòng về chuyển đổi số toàn diện và Quy định số 396-QĐ/TW của Ban Bí thư về xây dựng Trường chính trị chuẩn mức 2. Do đó, chuyển đổi số vừa là nhiệm vụ tự thân vừa là thước đo năng lực quản trị hiện đại của nhà trường.

## 2.2. Phân tích thực trạng chuyển đổi số trong công tác Đảng tại nhà trường

### *2.2.1. Thực trạng về nhận thức và kỹ năng số của đảng viên*

*Nhận thức tư duy chính trị:* 96,5% đảng viên đồng thuận tuyệt đối và sẵn sàng tham gia các hoạt động sinh hoạt Đảng trên môi trường số. Tư duy ngại thay đổi hay sợ rủi ro công nghệ đã bị đẩy lùi.

*Kỹ năng thao tác công nghệ:* 100% đảng viên làm chủ và sử dụng thành thạo các tính năng trên ứng dụng "Sổ tay đảng viên điện tử Hải Phòng". Tuy nhiên, khoảng 11,8% đảng viên lớn tuổi còn lúng túng khi thực hiện các thao tác biểu quyết số, cấu hình chữ ký số hoặc thiết lập bảo mật cá nhân phức tạp.

### *2.2.2. Thực trạng hạ tầng kỹ thuật, phần mềm nghiệp vụ và dữ liệu số*

*Hạ tầng kỹ thuật:* Phủ sóng 100% mạng LAN/Internet tốc độ cao có đường truyền dự phòng; 100% chi bộ được trang bị máy tính kết nối mạng chuyên dùng

có cài phần mềm diệt virus bản quyền. Tuy nhiên còn thiếu thiết bị mã hóa dữ liệu độc lập.

*Phần mềm nghiệp vụ & CSDL:* Vận hành ổn định 3 hệ thống phần mềm cốt lõi (CSDL Đảng viên toàn quốc; Hệ thống quản lý văn bản tích hợp chữ ký số chuyên dùng Ban Cơ yếu Chính phủ; Nền tảng Sổ tay đảng viên điện tử). Công tác tạo lập dữ liệu đạt bước tiến vượt bậc: Số hóa 100% hồ sơ đảng viên gốc (dạng file scan PDF mã hóa); 100% dữ liệu định danh được đối soát "Đúng - Đủ - Sạch - Sống" với Căn cước công dân.

*Những "điểm nghẽn" kỹ thuật:* (1) Nút thắt rời rạc dữ liệu giữa khối Đảng vụ và khối Chính quyền (CSDL Đảng viên và Phần mềm quản lý cán bộ công chức chưa kết nối tự động, phải nhập liệu thủ công trùng lặp); (2) Quy trình xử lý biến động nhân sự phức tạp (chuyển sinh hoạt Đảng liên tỉnh) đôi khi bị xung đột phân quyền; (3) Hạn chế về hạ tầng an ninh mạng chuyên dụng cấp cao trước nguy cơ tấn công mạng năm 2026.

### *2.2.3. Thực trạng ứng dụng số trong các mảng nghiệp vụ cụ thể*

*Trong sinh hoạt chi bộ & Quản lý đảng viên:* 100% chi bộ đăng tải tài liệu trước kỳ họp ≥ 03 ngày qua Sổ tay điện tử. Thời gian đọc báo cáo tại họp giảm xuống <15 phút, dành 70% thời gian cho thảo luận chuyên môn. Điểm danh tự động đạt 98% và chấm điểm sinh hoạt theo HD 02-HD/TU đạt 100%. Mặc dù vậy, tương tác đóng góp ý kiến trực tiếp trên ứng dụng trước kỳ họp còn khiêm tốn.

*Trong công tác tuyên giáo & bảo vệ nền tảng tư tưởng:* Trang TTĐT và các nhóm truyền thông nội bộ định hướng thông tin chính thống hiệu quả. Ban Chỉ đạo 35 tiên phong ứng dụng công cụ quét dữ liệu thông minh trên không gian mạng để rà soát, phát hiện sớm thông tin xấu độc, phục vụ viết bài chính luận đấu tranh phản bác.

*Trong công tác kiểm tra - giám sát & :* Quản lý tiến độ công việc theo nguyên tắc "6 rõ". 100% văn bản cấp Đảng ủy được ký số và luân chuyển qua mạng nội bộ, giảm 50% - 70% thời gian luân chuyển văn bản so với hành chính truyền thống.

**Bảng Hệ thống các chỉ số định lượng đánh giá chuyển đổi số năm 2026**

| TT | Lĩnh vực/ Nghiệp vụ | Tên chỉ số định lượng (KPIs) | Đơn vị tính | Chỉ tiêu / Hiện trạng | Phương pháp / Nguồn dữ liệu |
|---|---|---|---|---|---|
| **I. Sinh hoạt Chi bộ** | | | | | |
| 1. | Sinh hoạt Chi bộ | Tỷ lệ chi bộ gửi tài liệu sinh hoạt trước kỳ họp ≥ | % | 100% | Hệ thống ghi nhận tự động |

| TT | Lĩnh vực/ Nghiệp vụ | Tên chỉ số định lượng (KPIs) | Đơn vị tính | Chỉ tiêu / Hiện trạng | Phương pháp / Nguồn dữ liệu |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 03 ngày qua Sổ tay điện tử | | | |
| 2. | Sinh hoạt Chi bộ | Tỷ lệ đảng viên điểm danh tự động trên ứng dụng trước giờ sinh hoạt | % | 98% | Nhật ký truy cập Sổ tay điện tử |
| 3. | Sinh hoạt Chi bộ | Tỷ lệ chi bộ thực hành chấm điểm chất lượng sinh hoạt theo HD 02-HD/TU | % | 100% | Báo cáo tổng hợp tự động |
| 4. | Sinh hoạt Chi bộ | Tỷ lệ thời lượng dành cho thảo luận, đóng góp ý kiến trực tiếp tại buổi họp | % | 70% | Biên bản sinh hoạt chi bộ số hóa; Báo cáo thực hiện Hướng dẫn 02-HD/TU |
| **II. Quản lý đảng viên** | | | | | |
| 5. | Quản lý Đảng viên | Tỷ lệ hồ sơ đảng viên gốc được số hóa (file scan PDF mã hóa bảo mật) | % | 100% | CSDL Quản lý đảng viên nội bộ |
| 6. | Quản lý Đảng viên | Tỷ lệ dữ liệu đảng viên được rà soát, đối soát "Đúng - Đủ - Sạch - Sống" với CCCD | % | 100% | Phần mềm CSDL Đảng viên |
| 7. | Quản lý Đảng viên | Thời gian xử lý quy trình chuyển sinh hoạt Đảng (nội bộ/liên thông) | % | Chưa liên thông tự động/ sẽ đạt 100% khi hệ thông phần mềm 4 thủ tục hành | Quy trình theo dõi thủ công |

| TT | Lĩnh vực/ Nghiệp vụ | Tên chỉ số định lượng (KPIs) | Đơn vị tính | Chỉ tiêu / Hiện trạng | Phương pháp / Nguồn dữ liệu |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | chính của Đảng đi vào hoạt động | |
| **III. Tuyên giáo & tư tưởng** | | | | | |
| 8. | Tuyên giáo & tư tưởng | Tỷ lệ đảng viên truy cập, học tập và tự đánh giá nhận thức Nghị quyết qua phần mềm | % | Thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan cấp trên | Bài trắc nghiệm trên hệ thống |
| 9. | Tuyên giáo & tư tưởng | Tỷ lệ các bài viết chính luận, bài nghiên cứu của giảng viên được số hóa và lan tỏa | % | 100% | Đăng Trang TTĐT, Bản tin, Tạp chí |
| **IV. Kiểm tra – Giám sát** | | | | | |
| 10. | Kiểm tra - Giám sát | Tỷ lệ chỉ thị, kết luận của Đảng ủy được số hóa, giao việc theo nguyên tắc "6 rõ" | % | 100% | Số hóa văn bản điều hành |
| 11. | Kiểm tra - Giám sát | Tỷ lệ văn bản Đảng vụ đi/đến được ký số chuyên dùng và luân chuyển qua mạng | % | Cấp Đảng ủy 100% khi có chữ ký số; Chi bộ chưa có chữ ký số | Hệ thống quản lý văn bản số |
| 12. | Kiểm tra - Giám sát | Tỷ lệ giảm thời gian ban hành và luân chuyển văn bản so với hành chính truyền thống | % | 50% - 70% | Thời gian ký số đến lúc phát hành |
| 13. | Kiểm tra - Giám sát | Tỷ lệ thông báo, tài liệu kiểm tra - giám sát gửi trực | % | 100% | Gửi qua hệ thống nội bộ |

| TT | Lĩnh vực/ Nghiệp vụ | Tên chỉ số định lượng (KPIs) | Đơn vị tính | Chỉ tiêu / Hiện trạng | Phương pháp / Nguồn dữ liệu |
|---|---|---|---|---|---|
| | | tiếp đến tài khoản cá nhân | | | |

**2.3. Đánh giá chung**

***Những kết quả đạt được và ưu điểm:*** Dịch chuyển căn bản về nhận thức tư duy và định hình "văn hóa số"; Nền tảng số vận hành thực chất, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng; Hạ tầng kỹ thuật đồng bộ đáp ứng tiêu chuẩn Trường chuẩn mức 2; Tính chủ động, chiến đấu cao trong bảo vệ nền tảng tư tưởng.

***Hạn chế, bất cập và "điểm nghẽn":*** Tính liên thông dữ liệu giữa Đảng vụ và Chính quyền chưa triệt để, còn hiện tượng dữ liệu mang tính cục bộ; Ứng dụng ở một số mảng mới dừng ở mức "số hóa văn bản" (scan PDF); Khoảng cách kỹ năng số giữa các thế hệ đảng viên và thiếu thiết bị an ninh mạng chuyên dụng.

***Nguyên nhân của hạn chế:*** Khách quan do độ trễ trong hành lang pháp lý/kỹ thuật của cấp trên và hạn chế kinh phí đầu tư chuyên sâu; Chủ quan do tính quyết liệt của một số cấp ủy chưa cao và chưa có bộ phận nhân sự CNTT chuyên trách riêng cho khối Đảng vụ.

*Tóm lại, việc phân tích thực trạng ở Chương 2 đã chỉ rõ những bước chuyển căn bản cùng 3 "điểm nghẽn" kỹ thuật cốt lõi (sự rời rạc dữ liệu giữa khối Đảng vụ và khối Chính quyền; tính "số hóa văn bản" nửa vời; khoảng cách năng lực số và rào cản an toàn thông tin). Những nguyên nhân khách quan và chủ quan được nhận diện chính là cơ sở thực tiễn trực tiếp đặt ra yêu cầu phải xây dựng một hệ thống giải pháp đồng bộ, có trọng tâm, phân kỳ rõ ràng ở Chương 3 nhằm giải quyết triệt để các hạn chế, đưa tiến trình chuyển đổi số của Đảng bộ nhà trường bước sang giai đoạn phát triển mới.*

# CHƯƠNG 3

# GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC ĐẢNG TẠI ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÔ HIỆU ĐẾN NĂM 2030

## 3.1. Quan điểm, mục tiêu và định hướng chuyển đổi số của Đảng bộ nhà trường

### *3.1.1. Quan điểm chỉ đạo*

***Một là,*** Chuyển đổi số phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng ủy nhà trường; bảo đảm tính Đảng, tính chính trị sâu sắc. Tuyệt đối không thương mại hóa hay kỹ thuật hóa làm mờ nhạt nguyên tắc tập trung dân chủ.

***Hai là,*** Bám sát và cụ thể hóa mục tiêu chiến lược của Nghị quyết số 03-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về chuyển đổi số thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

***Ba là,*** Phát huy tinh thần tự lực, chủ động, gắn kết hài hòa giữa đầu tư công nghệ với phát triển "năng lực số" của con người. Lấy sự thay đổi nhận thức và hành động của đảng viên làm trung tâm.

### *3.1.2. Mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn*

***Giai đoạn 1 (Đến cuối năm 2027):*** 100% chi bộ áp dụng bắt buộc Sổ tay điện tử; 100% hồ sơ đảng viên số hóa gắn với CSDL quốc gia về dân cư; 100% cấp ủy viên và cán bộ giúp việc có chữ ký số chuyên dùng công vụ; Cắt giảm 70% chi phí in ấn hành chính; Gia cố 100% hạ tầng an ninh mạng.

***Giai đoạn 2 (Năm 2028 - 2030):*** Vận hành chính thức "Hệ sinh thái số Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu thông minh"; Liên thông tự động 100% CSDL Đảng viên với CSDL Quản lý cán bộ công chức; Thực hiện 100% mô hình " Đảng ủy không giấy tờ"; Tích hợp AI và Big Data hỗ trợ phân tích dư luận và tự động chấm điểm, xếp loại định lượng đảng viên.

*Từ các quan điểm chỉ đạo nguyên tắc và mục tiêu phân kỳ rõ ràng nêu trên, để hiện thực hóa lộ trình chuyển đổi số từ giai đoạn chuẩn bị hạ tầng đến thông minh hóa hệ thống quản trị, Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu cần triển khai đồng bộ hệ thống 4 nhóm giải pháp trọng tâm được thiết kế tương ứng nhằm giải quyết triệt để từng nhóm hạn chế, "điểm nghẽn" đã chỉ ra ở Chương 2.*

## 3.2. Các nhóm giải pháp trọng tâm

### *3.2.1. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức và tư duy số cho cấp ủy và đảng viên*

***Thứ nhất,*** Ban hành Nghị quyết chuyên đề về Chuyển đổi số. Đưa nội dung đánh giá ứng dụng công nghệ vào kiểm điểm chi bộ hằng tháng. Định kỳ mỗi quý sinh hoạt chuyên đề về văn hóa ứng xử trên không gian mạng.

***Thứ hai,*** Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy và đội ngũ giảng viên lý luận chính trị. Bí thư chi bộ phải đi đầu dùng chữ ký số và điều hành họp số; giảng viên đưa tư duy số vào bài giảng.

***Thứ ba,*** Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền bằng sản phẩm truyền thông số trực quan (Infographic, video chính luận ngắn, bản tin âm thanh) gửi trực tiếp qua Sổ tay điện tử.

***Thứ tư,*** Xây dựng mô hình "Đồng chí hỗ trợ đồng chí": Phân công đảng viên trẻ thành thạo công nghệ hỗ trợ "cầm tay chỉ việc" cho đảng viên lớn tuổi.

**3.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và xây dựng hệ sinh thái dữ liệu thống nhất**

***Thứ nhất,*** Xây dựng Trung tâm điều hành Đảng vụ số (IOC thu nhỏ) tích hợp hệ thống bảo mật đa lớp (mã hóa dữ liệu, tường lửa thế hệ mới, mạng riêng bảo mật VPN).

***Thứ hai,*** Xây dựng kho dữ liệu số dùng chung và chuẩn hóa CSDL đảng viên "Đúng - Đủ - Sạch - Sống". Thiết lập Cổng thông tin một cửa nội bộ liên thông CSDL Đảng vụ với CSDL Quản lý cán bộ viên chức.

***Thứ ba,*** Trang bị thiết bị đầu cuối đồng bộ (màn hình tương tác thông minh, camera góc rộng, micro định hướng) phục vụ sinh hoạt chi bộ trực tuyến.

**3.2.3. Nhóm giải pháp đổi mới quy trình nghiệp vụ và ứng dụng các nền tảng số**

***Thứ nhất,*** Chuẩn hóa quy trình sinh hoạt chi bộ thông minh khép kín trên Sổ tay đảng viên điện tử (Gửi tài liệu trước 3 ngày -> Thảo luận trực tiếp 70% thời lượng -> Chấm điểm tự động).

***Thứ hai,*** Triển khai số và quản trị công việc thông minh: Ký số 100% văn bản, tự động cảnh báo đôn đốc tiến độ công việc theo nguyên tắc "6 rõ".

***Thứ ba,*** Thông minh hóa công tác Tuyên giáo và Kiểm tra - Giám sát: Tổ chức thi trắc nghiệm nghị quyết trực tuyến có cấp chứng chỉ số; ứng dụng thuật toán AI/Big Data tự động phân tích chỉ số để phát hiện, cảnh báo sớm vi phạm.

**3.2.4. Nhóm giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng và bảo mật bí mật của Đảng**

***Thứ nhất,*** Thành lập Tổ chuyên trách công nghệ thông tin Đảng vụ (nòng cốt từ Chi bộ Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu và giảng viên CNTT) ứng trực kỹ thuật 24/7.

***Thứ hai,*** Xây dựng Quy chế quản lý thông tin nội bộ: Bắt buộc đổi mật khẩu định kỳ, xác thực 2 lớp; nghiêm cấm trao đổi tài liệu Mật trên Zalo, Viber, Facebook; áp dụng chế tài kỷ luật nghiêm với vi phạm bảo mật.

*Sau khi đã xác định rõ hệ thống 4 nhóm giải pháp kỹ thuật và nghiệp vụ trọng tâm, yếu tố quyết định để biến các giải pháp trên giấy thành hiện thực vận hành đòi hỏi phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện bảo đảm về nguồn lực tài chính, con người và cơ chế phối hợp, cùng một lộ trình triển khai phân kỳ chi tiết theo từng mốc thời gian cụ thể.*

### 3.3. Các điều kiện đảm bảo và lộ trình triển khai

#### *3.3.1. Các điều kiện đảm bảo về tài chính và cơ chế phối hợp*

***Về nguồn lực tài chính:*** Dự toán lồng ghép ngân sách Đề án Trường chuẩn mức 2 và trích lập nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư hạ tầng máy chủ, phần mềm bảo mật, phụ cấp Tổ chuyên trách.

***Về cơ chế phối hợp:*** Xây dựng quy chế phối hợp công tác chặt chẽ với Văn phòng Thành ủy, Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Khoa học & Công nghệ và Phòng An ninh mạng Công an thành phố Hải Phòng.

#### *3.3.2. Lộ trình thực hiện chi tiết từ 2026 đến 2030*

***Năm 2026:*** Quý I, II: Thành lập Tổ chuyển đổi số; tập huấn Sổ tay điện tử. Quý III, IV: Số hóa 100% hồ sơ gốc; cấp chữ ký số chuyên dùng cho 100% cấp ủy.

***Năm 2027:*** Quý I, II: Bắt buộc sinh hoạt chi bộ số 100% trên nền tảng số. Quý III, IV: Luân chuyển 100% văn bản số; gia cố phòng máy chủ và tường lửa thế hệ mới.

***Giai đoạn 2028 - 2029:*** Năm 2028: Xây dựng trục tích hợp dữ liệu liên thông Đảng vụ - Chính quyền. Năm 2029: Vận hành toàn diện mô hình "Văn phòng Đảng ủy không giấy", quản lý công việc theo "6 rõ".

***Năm 2030:*** Quý I, II: Tích hợp thành công các công cụ trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn để hỗ trợ phân tích tư tưởng và chấm điểm xếp loại định lượng. Quý III, IV: Hoàn thiện "Hệ sinh thái số Đảng bộ thông minh"; tổng kết và đóng gói mô hình chuyển giao.

# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

## 1. Kết luận về các kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài "Giải pháp tăng cường chuyển đổi số trong công tác Đảng tại Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu" đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu nghiên cứu đề ra:

***Về mặt lý luận:*** Hệ thống hóa và phát triển toàn diện cơ sở lý luận về tổ chức cơ sở Đảng trong môi trường số; làm rõ mối quan hệ giữa giữ vững nguyên tắc Đảng với ứng dụng công nghệ hiện đại.

***Về mặt thực tiễn:*** Phân tích, mổ xẻ khách quan thực trạng; chỉ rõ kết quả đạt được cũng như nhận diện chính xác 3 "điểm nghẽn" kỹ thuật cốt lõi.

***Về hệ thống giải pháp:*** Xác lập 3 quan điểm chỉ đạo bám sát Nghị quyết 03-NQ/TU, xây dựng lộ trình 2 giai đoạn và 4 nhóm giải pháp trọng tâm mang tính bứt phá.

Các kết quả này giúp Đảng bộ Trường Chính trị Tô Hiệu khẳng định uy tín, giữ vững danh hiệu Trường chính trị chuẩn mức 2 và là trung tâm đào tạo, nghiên cứu lý luận chính trị hàng đầu của thành phố Hải Phòng.

## 2. Kiến nghị với các cơ quan chức năng

***2.1. Kiến nghị với Thường trực Thành ủy Hải Phòng:*** Bảo đảm hạ tầng liên thông dữ liệu khối Đảng vụ; Quan tâm phân bổ nguồn kinh phí đặc thù trong danh mục đầu tư công 2026 - 2030 để nâng cấp trung tâm máy chủ và trang bị thiết bị an ninh mạng chuyên dụng cho nhà trường.

***2.2. Kiến nghị với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:*** Sớm nghiên cứu, ban hành Bộ tiêu chí định lượng chuẩn về ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong công tác Đảng áp dụng thống nhất cho hệ thống các trường chính trị tỉnh, thành phố toàn quốc.